

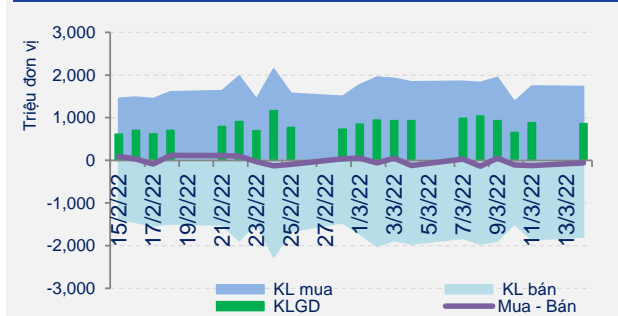
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 14/3/2022

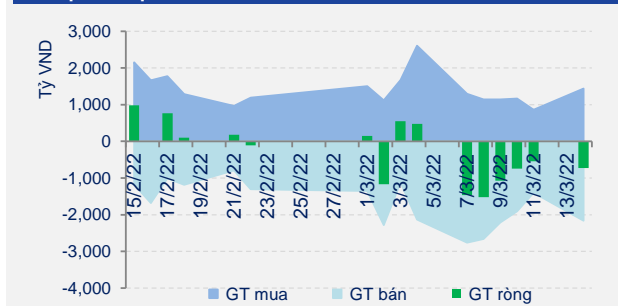
| Thông kê thị trường | HOSE | HNX |
|---------------------|---------------|-------------|
| Index | 1,446.25 | 436.57 |
| % Thay đổi | ↓ -1.38% | ↓ -1.27% |
| KLGD (CP) | 858,564,601 | 142,768,528 |
| GTGD (tỷ đồng) | 27,196.72 | 4,220.38 |
| Tổng cung (CP) | 1,792,792,300 | 180,265,000 |
| Tổng cầu (CP) | 1,730,144,500 | 156,668,400 |

| Giao dịch NĐTNN | HOSE | HNX |
|-------------------|------------|-----------|
| KL bán (CP) | 52,429,176 | 1,186,600 |
| KL mua (CP) | 36,221,900 | 1,348,712 |
| GT mua (tỷ đồng) | 1,438.38 | 54.65 |
| GT bán (tỷ đồng) | 2,163.54 | 37.36 |
| GT ròng (tỷ đồng) | (725.17) | 17.29 |

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



| Ngành Cấp 1 | % thay đổi | P/E | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|------|------|-------|
| Công nghệ Thông tin | ↓ -1.49% | 21.0 | 3.5 | 1.5% |
| Công nghiệp | ↓ -1.22% | 23.2 | 3.2 | 13.7% |
| Dầu khí | ↓ -4.10% | 20.0 | 2.2 | 5.1% |
| Dịch vụ Tiêu dùng | ↑ 0.71% | - | 11.7 | 3.2% |
| Dược phẩm và Y tế | ↓ -1.12% | 16.6 | 2.6 | 1.0% |
| Hàng Tiêu dùng | ↓ -2.01% | 18.8 | 3.6 | 10.1% |
| Ngân hàng | ↓ -0.13% | 12.1 | 2.3 | 11.1% |
| Nguyên vật liệu | ↓ -3.66% | 10.7 | 2.5 | 23.0% |
| Tài chính | ↓ -1.22% | 20.5 | 3.1 | 28.8% |
| Tiền ịch Cộng đồng | ↓ -4.48% | 18.5 | 2.8 | 2.4% |
| VN - Index | ↓ -1.38% | 16.9 | 3.1 | |
| HNX - Index | ↓ -1.27% | 21.4 | 3.7 | |

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Chứng khoán Mỹ giảm trong phiên thứ 6 tuần trước. Căng thẳng giữa Nga và Ukraine hạ nhiệt đã khiến cho giá dầu cũng như giá vàng điều chỉnh mạnh. Tuy nhiên, nỗi lo về tình trạng lạm phát mạnh trên toàn cầu đã khiến cho các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán châu Á tiếp tục bán trong phiên đầu tuần. Và thị trường Việt Nam tiếp tục điều chỉnh. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index giảm 20,29 điểm (-1,38%) xuống 1.446,25 điểm. Độ rộng thị trường là tiêu cực với chỉ 114 mã tăng (10 mã tăng trần), 31 mã tham chiếu, có tận 349 mã giảm (25 mã giảm sàn). Giá dầu thế giới giảm mạnh vào cuối tuần trước và cả phiên hôm nay khiến cho các cổ phiếu dầu khí chịu áp lực chốt lời mạnh, đa số đều giảm mạnh, thậm chí giảm sàn, có thể kể đến như GAS (-6,1%), PVS (-5,7%), BSR (-6,9%), PVD (-3,9%), PLX (-3,6%), PVC (-9,8%), OIL (-7,8%), PSH (-6,8%)... Cổ phiếu hóa chất cũng chung cảnh ngộ khi bị bán mạnh và đồng loạt giảm sàn hoặc gần sàn như DCM (-7%), DPM (-6,9%), DGC (-4,3%), DDV (-10,7%), CSV (-7%), BFC (-6,9%), LAS (-10%)... Nhóm cổ phiếu thép đỡ tiêu cực hơn so với hai nhóm kể trên nhưng thiệt hại sau phiên hôm nay cũng tương đối lớn với HPG (-3,8%), NKG (-6,5%), HSG (-4,2%)... Trong nhóm VN30 (-1,09%) có đến 22/30 mã giảm giá đã tạo nên áp lực điều chỉnh mạnh lên các chỉ số chính. VJC (+4,7%), STB (+1,4%), TPB (+1,4%), MBB (+0,6%), VCB (+0,5%), VRE (+0,5%) là 6 mã trong nhóm này giữ được sắc xanh. Các cổ phiếu chứng khoán cũng hòa chung vào sắc đỏ của thị trường với SSI (-4%), VCI (-5,6%), VND (-2,3%), HCM (-3,9%), SHS (-2,7%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán châu Á giao dịch tiêu cực trong phiên đầu tuần và qua đó tác động tới chứng khoán Việt Nam. Tuy vậy, nếu xét về mức độ giảm thì thị trường Việt Nam vẫn là điểm sáng trong ngày hôm nay khi chỉ giảm hơn 1% trong bối cảnh các chỉ số chứng khoán khác ở châu Á đều giảm từ 2%-4%. Trên góc nhìn kỹ thuật, VN-Index hiện đã giảm về vùng hỗ trợ 1.425-1.450 điểm tương ứng với vùng đáy của tháng 1/2022. Chúng tôi kỳ vọng lực cầu gia tăng trong vùng hỗ trợ này có thể giúp thị trường hồi phục trong phiên giao dịch tiếp theo 15/3. Tuy nhiên, nếu kịch bản tiêu cực diễn ra và áp lực bán tiếp tục gia tăng thì VN-Index có thể lui về hỗ trợ dài hạn quanh 1.410 điểm (MA200) để tìm kiếm lực cầu bắt đáy. Những nhà đầu tư đã tham gia mua vào trong phiên hôm nay trong vùng hỗ trợ 1.425-1.450 điểm có thể tiếp tục quan sát thị trường và gia tăng tỷ trọng nếu thị trường có nhịp chỉnh về hỗ trợ dài hạn 1.410 điểm (MA200).

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 14/3/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch sắc đỏ trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay do chịu áp lực bán xuất hiện từ đầu phiên và gia tăng sau đó, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.439,19 điểm. Về chiều, lực cầu bắt đáy xuất hiện giúp thu hẹp mức giảm của chỉ số. Kết phiên, VN-Index giảm 20,29 điểm (-1,38%) xuống 1.446,25 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: GAS giảm 6.900 đồng, HPG giảm 1.800 đồng, MSN giảm 6.400 đồng. Ở chiều ngược lại, VJC tăng 6.500 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giao dịch với sắc đỏ trong phần lớn thời gian phiên hôm nay, với mức thấp nhất trong phiên tại 434,07 điểm. Có thời điểm về cuối phiên giao dịch, chỉ số hồi phục nhẹ lên sắc xanh, với mức cao nhất trong phiên tại 443,53 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 5,63 điểm (-1,27%) xuống 436,57 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: THD giảm 2.400 đồng, PVS giảm 2.100 đồng, IDC giảm 4.200 đồng. Ở chiều ngược lại, HUT tăng 3.400 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 725,17 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 16,2 triệu cổ phiếu. MSN là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 153,5 tỷ đồng tương ứng với 1,1 triệu cổ phiếu, tiếp theo là NVL với 149,3 tỷ đồng tương ứng với 2 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, STB là mã được mua ròng nhiều nhất với 72,6 tỷ đồng tương ứng với 2,2 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 17,21 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 162 nghìn cổ phiếu. CEO là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 15 tỷ đồng tương ứng với 229,6 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là HUT với 13,1 tỷ đồng tương ứng với 341,7 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PVS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 10,7 tỷ đồng tương ứng với 300,3 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index giảm khá mạnh trong phiên đầu tuần với thanh khoản khớp lệnh giảm nhẹ so với phiên cuối tuần trước và cao hơn mức trung bình 20 phiên gần đây một chút. Điều này cho thấy là áp lực bán ra tương đối mạnh đã áp đảo được bên mua trong phiên hôm nay.

Áp dụng lý thuyết sóng Elliott trên biểu đồ thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên điều chỉnh này (-1,4%) thì chỉ số VN-Index đã lui về vùng hỗ trợ trong khoảng 1.425-1.450 điểm (đáy tháng 1/2022). Và vùng này được kỳ vọng sẽ hỗ trợ tốt cho thị trường trong phiên tiếp theo.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 15/3, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại nếu như lực cầu trong vùng hỗ trợ 1.425-1.450 điểm đủ tốt.

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng thì VN-Index có thể sẽ cần test lại ngưỡng hỗ trợ dài hạn quanh 1.410 điểm (MA200). Và phản ứng tại đây sẽ có ta góc nhìn về sức mạnh thị trường ở thời điểm hiện tại.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Kinh tế thủ đô khởi sắc trong 2 tháng đầu năm

Lũy kế thu hút FDI của thành phố tính đến 28/2 đạt trên 470 triệu USD. Trong 2 tháng đầu năm, Hà Nội có trên 3.600 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là trên 62.200 tỷ đồng. Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa tháng 2 đạt 4,2 tỷ USD.



TIN TRONG NƯỚC

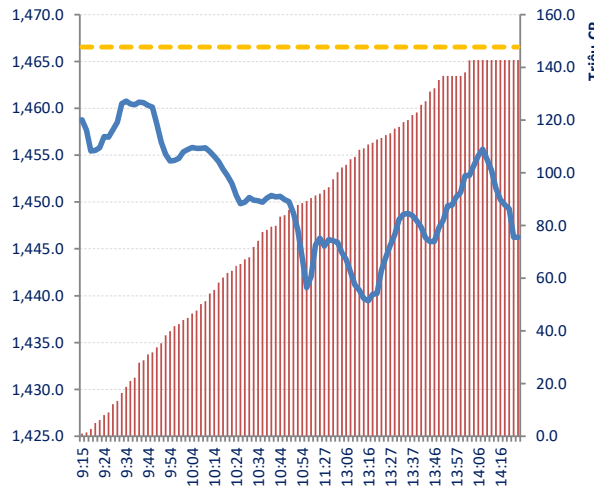
| | |
|---------------------------------|---|
| Giá vàng trong nước giảm | Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 67 - 68,8 triệu đồng/lượng, giảm 400.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 800.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay. |
| Tỷ giá trung tâm tăng | Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 14/3 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.178 VND/USD, tăng 14 đồng so với cuối tuần qua. |

TIN QUỐC TẾ

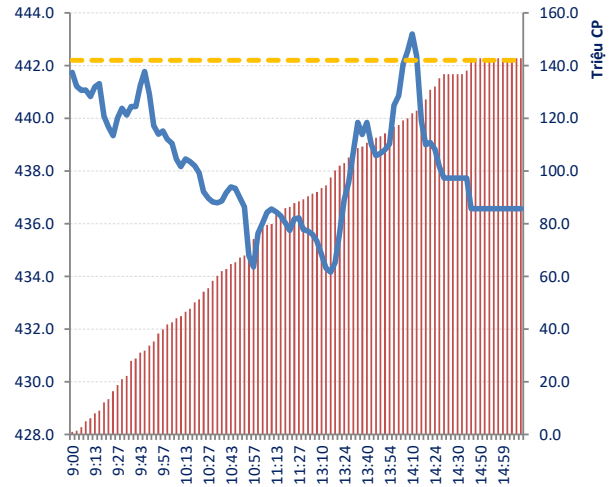
| | |
|----------------------------------|---|
| Giá vàng thế giới giảm | Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 17,85 USD/ounce tương ứng với 0,9% xuống 1.967,15 USD/ounce. |
| Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm | Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,315 điểm tương ứng 0,32% xuống 98,868 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,10961 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3054 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 117,77 JPY. |
| Giá dầu thế giới giảm | Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 4,55 USD/thùng tương ứng với 4,16% xuống 104,78 USD/thùng. |
| Chứng khoán Mỹ giảm | Kết thúc phiên giao dịch ngày 11/3, Dow Jones giảm 229,88 điểm tương đương 0,69% xuống 32.944,19 điểm. Nasdaq giảm 286,15 điểm tương đương 2,18% xuống 12.843,81 điểm. Nasdaq Composite giảm 55,21 điểm tương đương 1,3% xuống 4.204,31 điểm. |

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

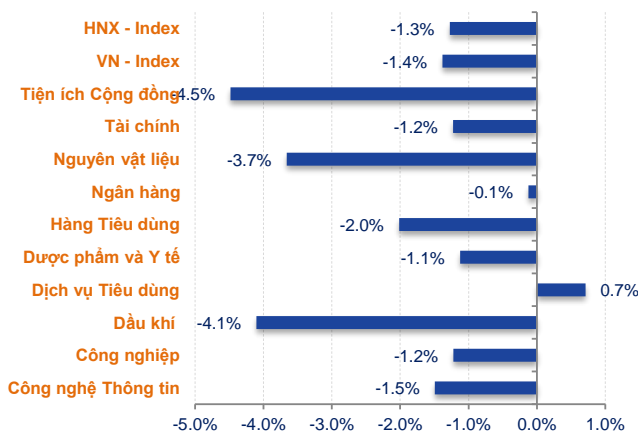
KLGD và VN-Index trong phiên



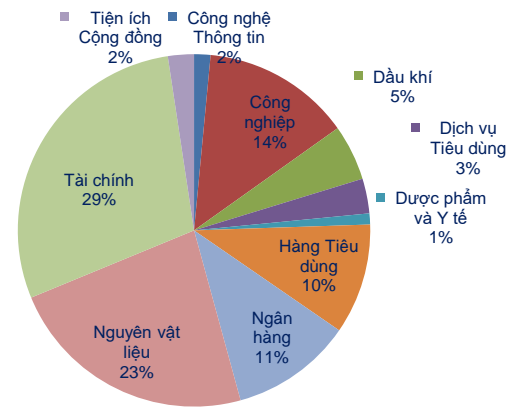
KLGD và HNX-Index trong phiên



Biến động giá phân theo nhóm Ngành



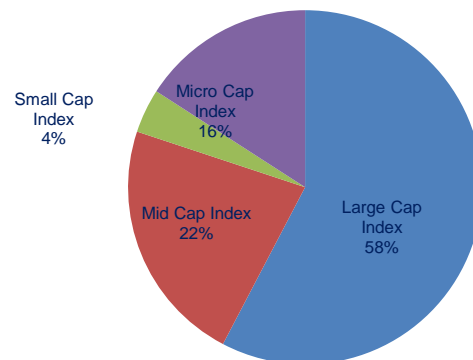
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | STB | 2,248,300 | DXG | 3,125,900 |
| 2 | VRE | 1,435,200 | HPG | 2,408,400 |
| 3 | SHB | 889,200 | NVL | 1,965,900 |
| 4 | DCM | 715,100 | SSI | 1,781,699 |
| 5 | PLX | 564,700 | GMD | 1,367,500 |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | HUT | 341,700 | PVS | 300,300 |
| 2 | CEO | 229,600 | KLF | 186,600 |
| 3 | SHS | 186,400 | BTS | 58,100 |
| 4 | TA9 | 43,700 | VCS | 52,800 |
| 5 | IDC | 30,412 | PVC | 45,200 |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | | % | KLGD |
|-----|------------|----------|---|--------|------------|
| HPG | 47.60 | 45.80 | ↓ | -3.78% | 36,313,800 |
| SHB | 21.05 | 21.85 | ↑ | 3.80% | 22,246,700 |
| STB | 32.05 | 32.50 | ↑ | 1.40% | 21,118,200 |
| HAG | 12.40 | 11.70 | ↓ | -5.65% | 20,617,500 |
| MBB | 31.45 | 31.65 | ↑ | 0.64% | 17,842,500 |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | | % | KLGD |
|-----|------------|----------|---|--------|------------|
| PVS | 36.90 | 34.80 | ↓ | -5.69% | 18,128,588 |
| CEO | 64.40 | 67.10 | ↑ | 4.19% | 9,886,469 |
| HUT | 36.90 | 40.30 | ↑ | 9.21% | 6,904,975 |
| KLF | 6.50 | 6.30 | ↓ | -3.08% | 5,806,746 |
| NVB | 30.60 | 30.60 | → | 0.00% | 5,048,014 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|---------|
| HUB | 31.50 | 33.70 | 2.20 | ↑ 6.98% |
| GTA | 18.65 | 19.95 | 1.30 | ↑ 6.97% |
| TMT | 18.80 | 20.10 | 1.30 | ↑ 6.91% |
| SVI | 67.00 | 71.60 | 4.60 | ↑ 6.87% |
| KHG | 19.00 | 20.30 | 1.30 | ↑ 6.84% |

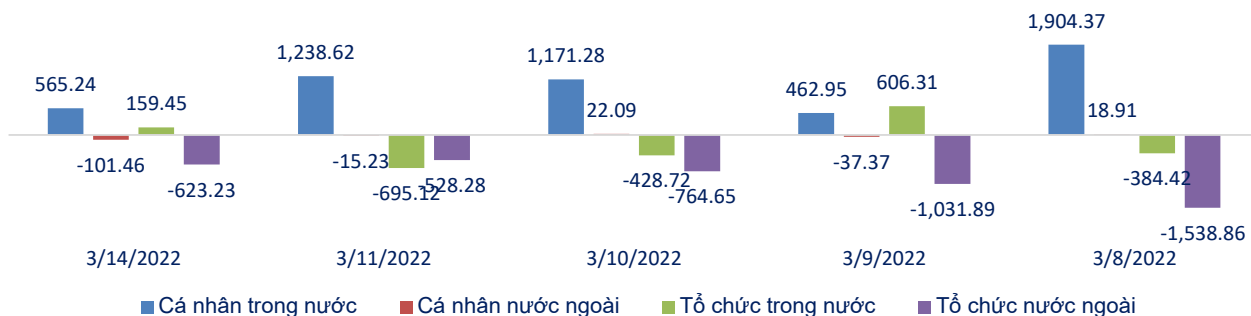
| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|---------|
| MIM | 12.30 | 13.50 | 1.20 | ↑ 9.76% |
| HLC | 18.50 | 20.30 | 1.80 | ↑ 9.73% |
| PDB | 23.70 | 26.00 | 2.30 | ↑ 9.70% |
| HLD | 43.30 | 47.50 | 4.20 | ↑ 9.70% |
| THS | 21.80 | 23.90 | 2.10 | ↑ 9.63% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| PDN | 110.00 | 102.30 | -7.70 | ↓ -7.00% |
| CSV | 60.00 | 55.80 | -4.20 | ↓ -7.00% |
| BMC | 30.00 | 27.90 | -2.10 | ↓ -7.00% |
| DCM | 46.50 | 43.25 | -3.25 | ↓ -6.99% |
| SFG | 22.30 | 20.75 | -1.55 | ↓ -6.95% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|-----------|
| LAS | 24.00 | 21.60 | -2.40 | ↓ -10.00% |
| KVC | 9.00 | 8.10 | -0.90 | ↓ -10.00% |
| VIE | 11.00 | 9.90 | -1.10 | ↓ -10.00% |
| CJC | 14.00 | 12.60 | -1.40 | ↓ -10.00% |
| PEN | 13.00 | 11.70 | -1.30 | ↓ -10.00% |

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| HPG | 169.06 | 46.0% | 7,708 | 6.2 | 2.3 |
| MSN | 141.87 | 25.4% | 7,269 | 19.6 | 4.0 |
| NVL | 141.84 | 8.8% | 1,692 | 45.6 | 3.6 |
| DXG | 112.90 | 10.3% | 1,942 | 20.9 | 1.8 |
| EVF | 110.34 | 12.3% | 1,434 | 12.4 | 1.4 |

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| STB | -94.30 | 10.8% | 1,855 | 17.3 | 1.8 |
| VPB | -59.00 | 17.0% | 2,662 | 13.7 | 1.9 |
| VRE | -51.10 | 4.4% | 578 | 55.1 | 2.4 |
| VCB | -42.28 | 21.3% | 4,629 | 18.1 | 3.6 |
| DIG | -39.72 | 15.3% | 2,210 | 39.8 | 5.7 |

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| PVD | 9.52 | 0.1% | 46 | 813.1 | 1.1 |
| ROS | 3.57 | 1.6% | 168 | 49.2 | 0.8 |
| MSN | 2.96 | 25.4% | 7,269 | 19.6 | 4.0 |
| BCG | 1.71 | 10.6% | 2,206 | 11.8 | 1.0 |
| SCS | 1.40 | 50.2% | 9,746 | 16.1 | 8.2 |

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|---------|---------|-------|-------|------|-----|
| MBB | -65.91 | 22.6% | 3,361 | 9.4 | 1.9 |
| LPB | -20.47 | 18.5% | 2,379 | 9.3 | 1.7 |
| E1VFN30 | -9.21 | N/A | N/A | N/A | N/A |
| DCM | -4.79 | 27.5% | 3,623 | 12.8 | 3.2 |
| DPM | -3.78 | 32.9% | 7,964 | 8.3 | 2.4 |

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|----------|---------|-------|-------|------|-----|
| VPB | 50.26 | 17.0% | 2,662 | 13.7 | 1.9 |
| FUEVFVND | 46.76 | N/A | N/A | N/A | N/A |
| SSI | 36.75 | 22.4% | 3,046 | 14.8 | 3.3 |
| GAS | 34.07 | 17.1% | 4,531 | 24.9 | 4.1 |
| HAH | 30.01 | 27.5% | 8,704 | 10.8 | 2.4 |

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| EVF | -110.28 | 12.3% | 1,434 | 12.4 | 1.4 |
| HPG | -55.72 | 46.0% | 7,708 | 6.2 | 2.3 |
| FLC | -30.36 | 0.7% | 119 | 105.5 | 0.9 |
| GEG | -26.99 | 7.9% | 978 | 28.6 | 2.3 |
| APH | -25.51 | 1.1% | 224 | 112.6 | 1.0 |

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| STB | 71.33 | 10.8% | 1,855 | 17.3 | 1.8 |
| MBB | 56.57 | 22.6% | 3,361 | 9.4 | 1.9 |
| VCB | 46.86 | 21.3% | 4,629 | 18.1 | 3.6 |
| VRE | 45.77 | 4.4% | 578 | 55.1 | 2.4 |
| DIG | 40.31 | 15.3% | 2,210 | 39.8 | 5.7 |

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| MSN | -156.42 | 25.4% | 7,269 | 19.6 | 4.0 |
| NVL | -150.48 | 8.8% | 1,692 | 45.6 | 3.6 |
| DXG | -127.50 | 10.3% | 1,942 | 20.9 | 1.8 |
| HPG | -113.79 | 46.0% | 7,708 | 6.2 | 2.3 |
| SSI | -77.27 | 22.4% | 3,046 | 14.8 | 3.3 |



Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|---------|-------|------|-----|
| HPG | 36,313,800 | 46.0% | 7,708 | 6.2 | 2.3 |
| SHB | 22,246,700 | 3250.0% | 2,261 | 9.3 | 1.6 |
| STB | 21,118,200 | 10.8% | 1,855 | 17.3 | 1.8 |
| HAG | 20,617,500 | 2.5% | 199 | 62.5 | 2.5 |
| MBB | 17,842,500 | 22.6% | 3,361 | 9.4 | 1.9 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|------|-------|---------|-----|
| PVS | 18,128,588 | 4.7% | 1,260 | 29.3 | 1.4 |
| CEO | 9,886,469 | 2.7% | 362 | 177.9 | 4.7 |
| HUT | 6,904,975 | 1.9% | 240 | 153.7 | 3.4 |
| KLF | 5,806,746 | 0.4% | 40 | 160.9 | 0.6 |
| NVB | 5,048,014 | 0.0% | 3 | 9,374.2 | 2.8 |

Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|-------|-------|------|-----|
| HUB | ↑ 7.0% | 11.1% | 2,742 | 11.5 | 1.2 |
| GTA | ↑ 7.0% | 9.3% | 1,595 | 11.7 | 1.2 |
| TMT | ↑ 6.9% | 9.4% | 1,122 | 16.8 | 1.5 |
| SVI | ↑ 6.9% | 15.3% | 7,179 | 9.3 | 1.4 |
| KHG | ↑ 6.8% | 12.8% | 2,284 | 8.3 | 1.3 |

Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|--------|---------|------|-----|
| MIM | ↑ 9.8% | -22.0% | (1,599) | - | 1.7 |
| HLC | ↑ 9.7% | 22.7% | 2,967 | 6.2 | 1.3 |
| PDB | ↑ 9.7% | 2.1% | 319 | 74.3 | 1.5 |
| HLD | ↑ 9.7% | 3.4% | 761 | 56.9 | 1.9 |
| THS | ↑ 9.6% | 9.7% | 1,399 | 15.6 | 1.7 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| STB | 2,248,300 | 10.8% | 1,855 | 17.3 | 1.8 |
| VRE | 1,435,200 | 4.4% | 578 | 55.1 | 2.4 |
| SHB | 889,200 | 16.7% | 2,261 | 9.3 | 1.6 |
| DCM | 715,100 | 27.5% | 3,623 | 12.8 | 3.2 |
| PLX | 564,700 | 10.8% | 2,258 | 25.7 | 2.6 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| HUT | 341,700 | 1.9% | 240 | 153.7 | 3.4 |
| CEO | 229,600 | 2.7% | 362 | 177.9 | 4.7 |
| SHS | 186,400 | 30.1% | 5,707 | 7.2 | 2.1 |
| TA9 | 43,700 | 12.9% | 1,579 | 9.2 | 1.2 |
| IDC | 30,412 | 9.6% | 1,508 | 45.9 | 4.4 |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VCB | 396,585 | 21.3% | 4,629 | 18.1 | 3.6 |
| VHM | 326,578 | 35.3% | 9,036 | 8.3 | 2.5 |
| VIC | 301,301 | -1.9% | (717) | - | 1.9 |
| GAS | 216,085 | 17.1% | 4,531 | 24.9 | 4.1 |
| HPG | 212,911 | 46.0% | 7,708 | 6.2 | 2.3 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|--------|------|-----|
| THD | 59,885 | 21.8% | 2,805 | 61.0 | 9.5 |
| KSF | 32,430 | 9.0% | 1,373 | 78.7 | 5.4 |
| IDC | 20,790 | 9.6% | 1,508 | 45.9 | 4.4 |
| PVS | 17,637 | 4.7% | 1,260 | 29.3 | 1.4 |
| VCS | 17,504 | 40.6% | 11,096 | 9.9 | 3.6 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|---------|-------|-----|
| GEX | 4.53 | 7.3% | 1,490 | 25.5 | 1.6 |
| KHP | 4.51 | 7.2% | 836 | 21.5 | 1.5 |
| CIG | 4.42 | 12.2% | 638 | 19.8 | 2.6 |
| CII | 4.35 | -4.2% | (1,427) | - | 0.9 |
| FLC | 4.28 | 0.7% | 119 | 105.5 | 0.9 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|------|-----|-------|-----|
| PVL | 3.36 | 7.0% | 343 | 37.3 | 2.5 |
| L18 | 3.10 | 6.7% | 877 | 66.1 | 4.1 |
| CEO | 2.96 | 2.7% | 362 | 177.9 | 4.7 |
| ART | 2.87 | 3.0% | 350 | 30.9 | 0.9 |
| PVL | 2.77 | 7.0% | 343 | 37.3 | 2.5 |



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiện
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn